

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 06- 2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đình Tâm; bà Trần Thị Dân

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiên – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 06 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 05 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T; sinh năm: 1996

Địa chỉ: Thôn L, xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn A; sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt anh A, vắng mặt chị T (Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn A kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/08/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Á, huyện H, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ, chồng bất đồng nhiều

quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài. Chị và anh A đã sống ly thân từ năm 2016 không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Văn A.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Duy B, sinh ngày 21/11/2014 từ khi vợ, chồng sống ly thân cháu B ở với anh A. Sau khi ly hôn chị đề nghị giao cháu B cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con cho tới khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn A để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh A đều vắng mặt không có lý do. Do đó không có ý kiến của anh A trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa anh Bùi Văn A trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng T kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/08/2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn hạnh phúc, hòa thuận đến năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ, chồng bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài. Anh và chị T đã sống ly thân từ năm 2016 không ai quan tâm đến ai. Đến nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh, anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Duy B, sinh ngày 21/11/2014 từ khi vợ, chồng sống ly thân cháu B ở với anh, được anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và đồng ý với ý kiến của chị T về việc chị T sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con cho tới khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng T

được ly hôn anh Bùi Văn A. Về con chung: Giao cháu cháu Bùi Duy B, sinh ngày 21/11/2014 cho anh Bùi Văn A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hồng T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 6/2024 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn A. Anh An cư t tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh A vắng mặt không có lý do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh A và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh A theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh A đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh A đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Bùi Văn A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18/08/2014 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện H, tỉnh Bình Định và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên bất hòa. Chị T và anh A đã sống ly thân từ năm 2016 không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn với anh A là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh A có 01 con chung là cháu Bùi Duy B, sinh ngày 24/11/2014. Xét nguyện vọng của chị T và anh A đề nghị giao cháu B cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một

triệu đồng) cho tới khi con đủ 18 tuổi. Nguyên vọng của cháu B muốn được ở với bố. Từ khi vợ, chồng sống ly thân cháu B ở với bố và được bố trực tiếp chăm sóc giáo dục. Do đó nguyên vọng của chị T và anh A là chính đáng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con. Nên chấp nhận yêu cầu của chị T giao cháu B cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 06/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng quy định của pháp luật

[4] Về tài sản: Chị T và anh A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn anh Bùi Văn A.
2. Về con chung: Giao cháu Bùi Duy B, sinh ngày 21/11/2014 cho anh Bùi Văn A trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh A mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 06/2024 cho tới khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị T đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002256 ngày 13/3/2024. Chị Nguyễn Thị Hồng T còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt anh Bùi Văn A, vắng mặt chị Nguyễn Thị Hồng T. Anh Bùi Văn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Hồng T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Ân Mỹ, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Thủy

Bùi Thị Bích Thủy

Bùi Văn Hải

